

Bản án số: **41/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/8/2017

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hồng Ứng

2/ Bà Thạch Thà Sà Phải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Quách A, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* Ông Lê B, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Quách A trình bày: Vào năm 1989 bà A và ông Lê B tự nguyện chung sống với nhau, đến năm 2007 mới đi đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện P (nay là thị trấn L, huyện Đ) tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 247 ngày 15/11/2007. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông B hay ghen khi bà H thường đi công tác, vợ chồng cãi vã, ông B có những lời lẽ xúc phạm làm ảnh hưởng đến uy tín bà A. Cách đây 08 năm bà A và ông B cũng có ý định ly hôn nhưng do con còn nhỏ sợ ảnh hưởng đến việc học tập của các con nên vợ chồng cố gắng sống với nhau những vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc. Thời gian gần đây ông B luôn có những lời lẽ xúc phạm trầm trọng đến danh dự và dùng bạo lực với bà A, vào tháng 5/2017 thì vợ chồng đã ly thân đến nay. Hiện bà A nhận thấy không thể chung sống với ông B được nữa, nên có nguyện vọng ly hôn. Vợ chồng có 03 con chung là: 1/ Lê C, sinh ngày 21/5/1991; 2/ Lê D, sinh ngày 13/4/1996; 3/ Lê E, sinh ngày 17/7/2000 hiện đang sống với bà A

Nay bà A yêu cầu được ly hôn với ông B. Về con chung: 02 con chung là Lê C và Lê D đã trưởng thành, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê E, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B nhưng ông B không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà A, đồng thời ông B cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Lê Văn Hùng nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà A, nhận thấy bà A và ông B tự nguyện chung sống với nhau năm 1989, có đăng ký kết hôn năm 2007, đã được UBND L, huyện P (nay là thị trấn L, huyện Đ) tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 247 ngày 15/11/2007. Quan hệ hôn nhân của bà A và ông B không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông B hay ghen, thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm danh dự, uy tín của bà A. Bà A đã nhiều lần góp ý nhưng ông B vẫn không sửa đổi nên dẫn đến bất hòa, ông B còn dùng bạo lực với bà A, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Hiện bà A nhận thấy không thể chung sống với ông B được nữa nên có nguyện vọng ly hôn. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà A suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông B nhưng bà A vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông B.

Thời gian chung sống bà A và ông B có 03 con chung là: 1/ Lê C, sinh ngày 21/5/1991; 2/ Lê D, sinh ngày 13/4/1996; 3/ Lê E, sinh ngày 17/7/2000 hiện đang sống với bà A. Hai cháu Lê C và Lê D đã trưởng thành, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết. bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê E đến đủ 18 tuổi. Để đảm bảo cuộc sống của cháu E không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu E là muốn được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi

con của bà A. Hiện bà A có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, nên việc bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A trình bày tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung: Bà A trình bày không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách A được ly hôn với ông Lê B.

- Về con chung: Giao cháu Lê C, sinh ngày 17/7/2000 cho bà Quách A trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông Lê B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Lê B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở, ông Lê B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê C. Đối với 02 con chung là: Lê C, sinh ngày 21/5/1991 và Lê D, sinh ngày 13/4/1996 đã trưởng thành, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

- Về tài sản chung: Bà Quách A trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Quách A trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Quách A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà A đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006350, ngày 07/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà A đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đường sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND thị trấn Lịch Hội Thượng, h.TĐ
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh